| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ MỸ THO**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 72/2023/DS-ST
Ngày 04-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Võ Thị Kiều

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Võ Quí Quốc.

Bà Phạm Thị Ngọc Vân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Bảo T, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Phan Thới Nhật M, sinh năm 2002 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Bảo T trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Minh T1 là bạn bè quen biết từng làm chung Công ty. Bà có cho ông T1 vay 04 lần tiền, số tiền và thời gian từng lần vay thì bà không nhớ rõ,

tổng cộng là 50.000.000 đồng, tất cả các lần cho vay đều do em (ông Phan Thới Nhật M, sinh năm 2002, ngụ cùng địa chỉ với bà) giao tiền mặt cho ông T1. Hai bên thỏa thuận không tính lãi, mỗi tháng ông T1 trả cho bà 4.000.000 đồng vào ngày 25 tây hàng tháng, trả đến khi đủ số tiền 50.000.000 đồng là xong, bắt đầu trả vào ngày 25/3/2022.

Ông M và ông T1 có lập biên nhận tiền và cùng ký tên. Sau đó bà và ông T1 tổng kết tiền vay lập Giấy mượn tiền với số tiền 50.000.000 đồng, Giấy mượn tiền lập vào ngày 25/02/2022, do bà nhờ một người làm chung công ty viết giúp, bà không nhớ rõ họ tên người này, bà và ông T1 cùng ký tên.

Quá trình vay, ông T1 có trả cho bà 16.000.000 đồng, gồm 06 lần cụ thể:

- Lần 1, ngày 25/4/2022 trả số tiền 2.000.000 đồng;

- Lần 2, ngày 04/6/2022 trả số tiền 2.000.000 đồng;

- Lần 3, ngày 19/7/2022 trả số tiền 1.000.000 đồng;

- Lần 4, ngày 05/8/2022 trả số tiền 5.000.000 đồng;

- Lần 5, ngày 01/9/2022 trả số tiền 4.000.000 đồng;

- Lần 6, ngày 07/10/2022 trả số tiền 2.000.000 đồng;

Những lần ông T1 trả tiền bà đều ghi ngày tháng trả và số tiền trả vào mặt sau Giấy mượn tiền.

Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Minh T1 phải trả cho bà số tiền 34.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Thới Nhật M trình bày:*

Ông là em ruột của bà Phan Bảo T, là đồng nghiệp làm cùng công ty với ông Nguyễn Minh T1. Trước đây bà T có nhiều lần cho ông T1 vay tiền, lãi xuất là 50.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vốn vay, các lần này đều do ông mang tiền mặt của bà T giao cho ông T1.

Lần 1, ngày 15/01/2022 ông đưa ông T1 số tiền 17.000.000 đồng;

Lần 2, ngày 27/01/2022 ông đưa ông T1 số tiền 10.000.000 đồng;

Ông T1 đóng được 01 tháng tiền lãi cho 02 lần vay trên là 1.350.000 đồng;

Hai lần vay sau ông không nhớ rõ ngày, ông đưa tiếp cho ông T1 số tiền 23.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền vay một tuần thì ông T1 nói với ông không có khả năng đóng tiền lãi xin trả vốn mỗi tháng 4.000.000 đồng. Do không có quyền quyết định nên ông để ông T1 gặp bà T thương lượng. Bà T và ông T1 đã tổng kết số tiền vay và lập Giấy mượn tiền với số tiền 50.00.000 đồng. Ông T1 hứa mỗi tháng sẽ trả bà T 4.000.000 đồng cho đến khi trả đủ 50.000.000 đồng.

Ông và ông T1 có lập biên nhận các lần giao tiền và cùng ký tên. Do bà T và ông T1 đã tổng kết tiền vay và lập Giấy mượn tiền với nhau, ông nghĩ các biên nhận ông và ông T1 lập không còn giá trị nữa nên đã bỏ đi chỉ còn lưu giữ lại hai biên

nhận cung cấp cho Tòa án.

Nay bà T yêu cầu ông T1 trả số tiền vay còn thiếu thì ông không có ý kiến gì vì đây là tiền bà T cho ông T1 vay, ông chỉ là người giao tiền giúp bà T. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về tố tụng:*

Bà Phan Bảo T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh T1 trả cho bà số tiền 34.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Minh T1 cư trú tại ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Thới Nhật M có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

*[2] Về nội dung:*

*[2.1]* Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 34.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Giấy mượn tiền đề ngày 15/01/2022 (bút lục 41); Giấy mượn tiền đề ngày 27/01/2022 (bút lục 39) do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thới Nhật M cung cấp và các lời khai của ông M trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện ông M có thay bà T giao cho ông T1 nhiều lần tiền mặt với tổng số tiền là 50.000.000 đồng. Nguyên đơn bà Phan Bảo T xác định sau nhiều lần ông M giao tiền cho ông T1 thì ngày 25/02/2022 bà và ông T1 có lập Giấy mượn tiền nhưng không đề ngày (bút lục 21) với nội dung: *"Tôi tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 26-12-2003, nơi thường trú: T - T - TP . - TG…tôi có mượn của chị Phan Bảo T số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu đồng chẵn). Tôi hứa mỗi tháng tôi sẽ trả cho chị T 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng chẵn) đúng này 25 mỗi tháng, bắt đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2022…"*, cuối Giấy mượn tiền ông T1 có ký tên và ghi rõ họ tên Nguyễn Minh T1. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý

vụ án và triệu tập ông T1 đến Tòa án để tham gia Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định giữa ông Nguyễn Minh T1 và bà Phan Bảo T có xác lập giao dịch vay số tiền 50.000.000 đồng.

Quá trình vay tiền, bà T thừa nhận ông T1 có trả cho bà 16.000.000 đồng, gồm 06 lần cụ thể:

- Lần 1, ngày 25/4/2022 trả số tiền 2.000.000 đồng;
- Lần 2, ngày 04/6/2022 trả số tiền 2.000.000 đồng;
- Lần 3, ngày 19/7/2022 trả số tiền 1.000.000 đồng;
- Lần 4, ngày 05/8/2022 trả số tiền 5.000.000 đồng;
- Lần 5, ngày 01/9/2022 trả số tiền 4.000.000 đồng;
- Lần 6, ngày 07/10/2022 trả số tiền 2.000.000 đồng;

Những lần ông T1 trả tiền bà đều ghi ngày tháng trả và số tiền trả vào mặt sau Giấy mượn tiền. Hiện nay, ông T1 chỉ còn nợ bà T 34.000.000 đồng. Do vậy, bà T yêu cầu ông T1 có nghĩa vụ trả cho bà số tiền này là có căn cứ chấp nhận.

*[2.2]* Về tiền lãi, nguyên đơn bà Phan Bảo T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thới Nhật M thừa nhận tiền lãi thỏa thuận cho ông T1 vay là 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng. Bà T xác định quá trình vay tiền ông T1 có trả tiền lãi được vài lần với tổng số tiền 1.150.000 đồng, sau đó không có khả năng trả nữa. Nay bà T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền ông T1 còn nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Bảo T.

*[3]* Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 1.700.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 271; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

***Xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Bảo T. Buộc ông Nguyễn Minh T1 có nghĩa vụ trả cho bà Phan Bảo T số tiền vay còn nợ là 34.000.000 đồng *(Ba mươi bốn triệu đồng)*, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Minh T1 phải chịu 1.700.000 đồng *(Một triệu bảy trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Phan Bảo T 850.000 đồng *(Tám trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0023772 ngày 09/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Bảo T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Minh T1, ông Phan Thới Nhật M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP. Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP. Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Kiều**